

XÃ HỘI HÓA Ở VIỆT NAM NHẬN THỨC VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGÔ ĐÌNH XÂY*

Xã hội hoá là xu hướng vận động và phát triển khách quan của thời đại và là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trên thế giới, xã hội hoá đã và đang là quá trình hiện thực hoá, cuốn hút mạnh mẽ các tầng lớp và lực lượng xã hội tham gia. Ở Việt Nam, hoạt động xã hội hoá trong các lĩnh vực đời sống xã hội đang được khuyến khích triển khai và ngày càng mở rộng. Với xu hướng và những hoạt động sôi động trong lĩnh vực này, trong những năm qua, công tác xã hội hoá trong đời sống xã hội nước ta đã thu được những kết quả khả quan, song cũng còn nhiều vấn đề bất cập, chưa theo kịp sự đổi mới và phát triển của đất nước, càng chưa thể hoà nhập với quá trình xã hội hoá trên thế giới. Ở đây, trong quá trình triển khai thực hiện xã hội hoá còn nhiều sự “lệch pha”, nhất là còn có những nhận thức và cách hiểu chưa thật đúng, chưa khách quan về xã hội hoá, do đó việc triển khai xã hội hoá trong thực tế còn có những lệch lạc, chệch hướng. Và quả đúng là “thuật ngữ có tính khái niệm "xã hội hóa" mang một nội dung đặc thù, được vận dụng rộng rãi trong vài ba năm trở lại đây, cần phải được minh định một cách chính xác và nghiêm cẩn để tránh sự vận dụng một cách tùy tiện và khiên cưỡng của không ít nơi”¹.

Vậy thực chất của xã hội hoá là gì và đặc trưng mang tính bản chất của nó? Để có thể có một quan niệm tương đối toàn diện, khách quan về xã hội hoá, chúng ta cùng tìm hiểu một số cách tiếp cận về vấn đề này.

* PGS.TS. Trung tâm Đào tạo cán bộ – Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

¹ *Xã hội hoá - đang bị lạm dụng?* Theo VietNamNet, 24-7-2007.

Trong các công trình nghiên cứu và tra cứu, có thể nhận thấy, đã có ba cách hiểu, cách tiếp cận về vấn đề xã hội hoá: cách tiếp cận thứ nhất về xã hội hoá xuất phát từ *sự vật*, cách tiếp cận thứ hai về xã hội hoá xuất phát từ *cá thể con người* và cách tiếp cận thứ ba về xã hội hoá là sự tổng hợp của *cả hai* cách tiếp cận trên. Có thể nhận thấy cách tiếp cận về xã hội hoá từ sự vật trong các quan niệm “xã hội hoá là “làm cho tư liệu sản xuất của cá nhân trở thành của chung của xã hội”², xã hội hoá là “biến các tư liệu sản xuất và trao đổi thành của công” (Adaption d’un enfant à la vie de groupe (famille, école, etc.)³. Đặc biệt cách tiếp cận này được thể hiện rõ nhất trong quan niệm xã hội hoá là “làm cho trở thành chung của xã hội. Thí dụ xã hội hoá tư liệu sản xuất”⁴. Cách tiếp cận thứ hai là cách tiếp cận xuất phát từ cá thể con người được thể hiện trong quan niệm xem xã hội hoá là “sự hoà nhập xã hội, làm cho ai đó thích nghi với xã hội”⁵ và xã hội hoá là “làm phát triển các mối quan hệ xã hội, sự hình thành trong một nhóm xã hội, trong cả xã hội”⁶. Cách tiếp cận thứ ba là sự tổng hợp của hai cách tiếp cận trên được thể hiện tập trung trong Bách khoa toàn thư Xô viết,- một công trình nghiên cứu tổng hợp của các nhà khoa học Liên Xô (cũ), khi họ cho rằng “Xã hội hoá là quá trình thích nghi của cá thể với hệ thống tri thức, chuẩn mực và các giá trị, cho phép cá thể đó hoạt động với tư cách là thành viên bình đẳng của xã hội, chịu sự tác động có chủ đích đến cá nhân (giáo dục) cũng như quá trình tự phát ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách. Xã hội hoá được xác định bởi cấu trúc kinh tế - xã hội của xã hội. Xã hội hoá là đối tượng nghiên cứu của triết học, tâm lý học, tâm lý học xã hội, xã hội hoá lịch sử và dân tộc học, sư phạm học. Xã hội hoá (cái gì đó) là chuyển giao cái đó từ tư hữu thành công hữu, thí dụ xã hội hoá đất đai là chuyển nó thành tài sản chung của xã hội. Ban đầu xã hội hoá đất đai được hiểu là sự phân phối lại đất giữa địa chủ và nông dân vào năm 1906. Lênin đã phê phán quan niệm này và chỉ ra rằng trong điều kiện sản xuất hàng hoá, việc thủ tiêu tư hữu ruộng đất cá thể thành các phương tiện

² Nguyễn Lân (2000), Theo *Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam* - Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Theo *Từ điển Nouveau Petit Larousse* (1969) và *Petit Larousse en Coeurs* (1972):

⁴ Theo *Từ điển Tiếng Việt* (1997), Trung tâm từ điển học, Nxb. Đà Nẵng.

⁵ Theo *Từ điển Lạc Việt*.

⁶ Theo *Từ điển Petit Robert* (Dictionnaire alphabétique et analogique de la langue française, 1986)

sản xuất khác sẽ không tránh khỏi dẫn tới chủ nghĩa tư bản. Xã hội hoá đất đai ở nước Nga, thực chất là dân tộc hoá đất đai”⁷.

Từ những định nghĩa và kiến giải trong các cách tiếp cận nêu trên, có thể rút ra kết luận chung, xã hội hoá đối với một vật, một nội dung, một vấn đề mang tính xã hội nào đó có thể hiểu là sự triển khai, sự làm cho (cái gì đó) *mở rộng hơn và phát triển hơn* trở thành của chung, của toàn xã hội; riêng đối với cá thể, cá nhân nào đó, xã hội hoá là làm cho họ *hoà nhập, thích nghi* với xã hội, cùng hoạt động với xã hội.

Ở Việt Nam, một trong những cách tiếp cận đầu tiên và là sự thể hiện tương đối đầy đủ và rõ nhất về xã hội hoá lại được trình bày trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta. Theo Nghị quyết số 90/CP của Chính phủ ngày 21-8-1997 về *Phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá*, khái niệm xã hội hoá được hiểu thông qua việc nhận định, đánh giá xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, - những lĩnh vực trọng yếu, nhạy cảm của đời sống xã hội. Ở đây, xã hội hoá được tiếp cận như sau: “Xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục, y tế, văn hoá và sự phát triển về thể chất và tinh thần của nhân dân. Xã hội hoá là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế, xã hội lành mạnh và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá ở mỗi địa phương, đây là cộng đồng trách nhiệm của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp đóng tại địa phương và của từng người dân”.

Như vậy, theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, có thể hiểu xã hội hoá dưới các lát cắt sau đây:

- *Về mục tiêu*: xã hội hoá là giải pháp quan trọng để thực hiện chính sách công bằng xã hội trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. “Công bằng xã hội không chỉ biểu hiện về mặt hưởng thụ, tức là người dân được xã hội và Nhà nước chăm lo, mà còn biểu hiện cả về mặt người dân đóng góp, cống hiến cho xã hội theo khả năng thực tế của từng người, từng địa phương”⁸.

⁷ Theo *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô viết* (1983), Nxb. Bách khoa toàn thư Xô viết.

⁸ Nghị quyết số 90/CP của Chính phủ ngày 21-8-1997.

- *Về nội dung*: xã hội hoá bao gồm các yếu tố sau: *một*, huy động (vận động) đông đảo các tầng lớp nhân dân cùng tham gia (huy động nguồn nhân lực); *hai*, đa dạng hoá việc thu hút, mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực, tài lực trong xã hội; phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhân dân trong việc phát triển xã hội,

- *Về bản chất*: xã hội hoá là một quá trình mang bản chất “kép” gồm hai mặt: *một mặt*, xác định đúng trách nhiệm của Nhà nước (gồm nhiều cấp, nhiều ngành) và định rõ chủ thể giữ vai trò nòng cốt; *mặt khác*, tăng cường trách nhiệm của toàn xã hội, cộng đồng và mỗi người dân.

Về hình thức hoạt động, xã hội hoá chính là đa dạng hoá các hình thức hoạt động trong lĩnh vực được xã hội hoá. Đa dạng hoá chính là mở rộng các cơ hội cho các tầng lớp nhân dân tham gia chủ động và bình đẳng vào các hoạt động trên.

Tóm lại, một hoạt động được gọi là xã hội hoá, khi và chỉ khi đạt được ba tiêu chuẩn chính sau: *thứ nhất*, có sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội, đặc biệt là sự tham gia chủ động tích cực của cộng đồng, của các tổ chức xã hội và của mỗi người dân; *thứ hai*, đã huy động được nhiều nguồn lực khác nhau trong xã hội (bao gồm: nhân lực, tài lực, vật lực, của các nguồn nội lực và ngoại lực); và *thứ ba*, có sự phối hợp liên ngành theo một kế hoạch cụ thể dưới sự lãnh đạo của một chủ thể trung tâm và có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng chủ thể tham gia...

Về mặt lý thuyết và trên thực tế, quá trình xã hội hoá trong đời sống xã hội có thể được diễn ra, triển khai và tiến hành theo hai hướng: *tự phát và tự giác*. Một sự thật là, đã và đang diễn ra quá trình xã hội hoá mà ở đây, mỗi công dân và chủ thể xã hội nào đó, khi nhận thấy xã hội có nhu cầu cần mở rộng, phát triển trong một lĩnh vực xã hội nào đó và khi mà chủ thể xã hội thấy mình có đủ năng lực và những điều kiện cần thiết để tham gia thì có thể đóng góp, góp sức về trí lực, nhân lực, vật lực và tài lực để cung ứng và đáp ứng cho nhu cầu mở rộng và phát triển ở đó. Thông qua những hoạt động như vậy, họ đã tự phát tham gia vào quá trình xã hội hoá trong xã hội. Ở đây, chưa và không có sự định hướng, hướng dẫn, sự lãnh đạo nào cả của Nhà nước và của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Đó chính là quá trình xã hội hoá *tự phát*. Song, đi liền và song song với quá trình đó còn có quá trình xã hội hoá mà ở đó, *một mặt*, Nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã nhận biết và thấy rõ, trong một lĩnh vực xã hội nào đó nhất định sẽ có nhu cầu cần mở rộng, cần khai thác và phát triển hơn trong tương lai và trong khi Nhà nước còn chưa thể với tới và đảm đương hết được thì cần phải huy động, kêu gọi các tầng lớp và các lực lượng xã hội cùng tham gia vào; *mặt khác*, ở đây, do bản chất xã hội và tính nghiêm túc, tính khoa học của chính đảng cầm quyền chân chính quy định

mà mục đích của xã hội hoá đòi hỏi và bắt buộc phải có sự định hướng, sự hướng dẫn và sự hỗ trợ của Nhà nước và của các cơ quan chức năng có thẩm quyền nhằm giúp cho việc xã hội hoá đi đúng hướng, không bị lợi dụng và đem lại lợi ích thực sự chính đáng, phục vụ cho cộng đồng và đại đa số dân cư. Từ những yêu cầu và đòi hỏi này, Nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền phải ban hành chủ trương, chính sách, hành lang pháp lý và trực tiếp quản lý, điều hành để có thể huy động, động viên, kêu gọi và thu hút mọi tầng lớp nhân dân và mọi chủ thể trong xã hội tích cực tham gia vào công việc mở rộng, khai thác và phát triển này, - tức là triển khai thực thi quá trình xã hội hoá một cách chủ động. Đây chính là quá trình xã hội hoá được diễn ra và được tiến hành một cách *tự giác*.

Từ trên cơ sở quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và từ thực tế xã hội hoá ở nước ta vừa qua, có thể đi đến kết luận, một quá trình xã hội hoá được xem là *tự giác* khi và chỉ khi bao chứa được các yếu tố sau:

- *Một là*, có quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo nhất quán. Đó chính là biết và phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong xã hội (của các tầng lớp, các chủ thể và của cả cộng đồng dân cư); biết và phải chủ động khơi dậy, huy động, góp sức tổng hợp của các nguồn lực trong xã hội (nhân lực, vật lực, tài lực, trí lực và tâm lực); phải chỉ đạo và thực hiện cho được chủ trương: mọi tầng lớp, mọi công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; và đặc biệt là phải đảm bảo tính chất bền vững của những hoạt động xã hội hoá, nghĩa là phải vận động toàn thể nhân dân, cộng đồng dân cư, giúp họ nâng cao nhận thức để người dân giữ vai trò chủ động, tự giác và tích cực, tự quyết định, tự nhận thấy trách nhiệm, tự chịu trách nhiệm trong việc xã hội hoá nhằm đem lại lợi ích cho bản thân họ và cộng đồng.

- *Hai là*, phải có chủ thể “nhạc trưởng”. Xã hội hoá với tư cách là quá trình tự giác luôn đòi hỏi và xác định một chủ thể “nhạc trưởng”. Chủ thể “nhạc trưởng” này sẽ đóng vai trò định hướng, điều phối và lãnh đạo quá trình xã hội hoá trong quá trình triển khai thực hiện. Ở đây, chủ thể “nhạc trưởng” không phải ai khác chính là Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước. “Xã hội hoá không có nghĩa là giảm nhẹ trách nhiệm của Nhà nước, giảm bớt ngân sách nhà nước; trái lại, Nhà nước thường xuyên tìm kiếm thêm các nguồn thu để tăng thêm ngân sách chi cho các hoạt động này, đồng thời quản lý tốt để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí đó”⁹.

- *Ba là*, xác định trách nhiệm cho từng chủ thể tham gia xã hội hoá. *Đối với những nhà lãnh đạo*: Xã hội hoá chính là một quá trình tổ chức và huy động nhiều lực lượng xã hội cùng tham gia để giải quyết một vấn đề xã hội theo một

⁹ Nghị quyết số 90/CP của Chính phủ ngày 21-8-1997

chiến lược xác định và có kế hoạch. Ví dụ: Đảng đề ra chủ trương, đường lối, các nghị quyết...; Nhà nước xây dựng chiến lược quốc gia, có những chính sách, cơ chế, tạo hành lang pháp lý để huy động, tổ chức mọi nguồn lực của xã hội. *Đối với từng lực lượng xã hội*: Xã hội hoá phải thể hiện và thực thi được một quá trình lồng ghép các hoạt động giữa các lực lượng khác nhau trong xã hội. Một mặt, phải đưa nội dung của vấn đề xã hội cần giải quyết vào kế hoạch, chương trình hoạt động của lực lượng mình trong đó phải ghi rõ các chỉ tiêu cần đạt được về nguồn ngân sách đầu tư, danh mục chi ..., đồng thời, phải có kế hoạch lồng ghép với những hoạt động tương tự của các lực lượng khác có liên quan để tạo ra hoạt động có tính liên ngành cao, trong đó có sự phân công cụ thể trách nhiệm của từng lực lượng. *Đối với mỗi cộng đồng, mỗi gia đình, mỗi người dân*: Xã hội hoá phải được xem là một quá trình mà ban đầu chỉ là sự hưởng ứng tham gia vào các cuộc vận động do Nhà nước tổ chức, và sau đó phải tiến tới là những hoạt động có tính chủ động, tích cực vì mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống của chính bản thân họ¹⁰.

- *Bốn là*, phải xác định được các giai đoạn trong triển khai thực hiện xã hội hoá. *Trước hết là giai đoạn chuyển đổi, bổ sung và nâng cao nhận thức* về trách nhiệm đối với công việc xã hội hoá cho tất cả các nhóm đối tượng từ những nhà lãnh đạo Đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, đoàn thể, ban ngành liên quan đến mỗi cộng đồng, mỗi người dân. Mục đích của giai đoạn này là tạo dựng cho từng tổ chức, từng cá nhân có một nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải tham gia và trách nhiệm của họ đối với công việc xã hội hoá. *Tiếp theo là giai đoạn hành động* của các nhà lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội. Mục đích của giai đoạn này nhằm huy động tối đa các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong cộng đồng và xã hội cho công việc xã hội hoá. *Và cuối cùng là giai đoạn triển khai thực thi* của mỗi cộng đồng, từng người dân. Hành động này khi mới bắt đầu có thể là bị động do hưởng ứng sự phát động của Đảng, chính quyền hoặc đoàn thể.... dần dần trở thành chủ động, tự giác vì người dân đã nhận thấy lợi ích của bản thân họ qua những hoạt động này. Đây là giai đoạn quan trọng nhất, nó vừa là động lực, vừa là mục tiêu của toàn bộ quá trình. Mục đích cuối cùng của giai đoạn này là tạo ra sự chuyển đổi hành vi ứng xử của cộng đồng và người dân nhằm hình thành một một cách nghĩ, một nếp sống, một cách làm hiệu quả hơn, năng động hơn, thực tế hơn¹¹.

Năm là, đưa ra được phương pháp hành động đúng. Xã hội hoá phải được xác định là một “giải pháp xã hội” mang tính liên ngành cao với sự tham gia

¹⁰ Xem: GS.TS Đỗ Nguyên Phương, GSTS. Phạm Huy Dũng (chủ biên) (2004), *Xã hội hoá y tế ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội tr. 5-10.

¹¹ Xem: GS.TS Đỗ Nguyên Phương, GSTS. Phạm Huy Dũng (chủ biên) (2004), *Xã hội hoá y tế ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 5-10.

của nhiều lực lượng xã hội, khác với các “giải pháp kỹ thuật” thường chỉ được giao cho từng ngành riêng biệt¹².

Vậy, xã hội hoá ở Việt Nam trong thời gian qua đã được triển khai theo hướng nào, *tự phát hay tự giác*? Chúng ta thử nhìn lại và đánh giá việc xã hội hoá được tiến hành thực hiện trong hai lĩnh vực xã hội lớn nhất, rất nhạy cảm, liên quan đến mọi người dân, có tầm ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến các lĩnh vực xã hội khác và trên thực tế việc xã hội hoá đã được mở rộng và thực hiện nhiều nhất, - đó là y tế và giáo dục. Trước hết, trong lĩnh vực y tế, việc xã hội hoá trong những năm qua đã “tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, việc huy động nguồn nhân lực trong xã hội hoá y tế đem lại những kết quả nhất định. Đó là huy động được các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức, các tầng lớp xã hội cùng tham gia xã hội hoá y tế với các vai trò khác nhau của người quản lý hoặc người cung ứng dịch vụ, ... nhất là việc huy động nguồn nhân lực đã tỏ ra khá hiệu quả”¹³. Còn trong lĩnh vực giáo dục? Những năm qua, mặc dù nguồn tài chính của nước ta còn hạn hẹp, song hằng năm, Nhà nước hiện vẫn chi cho giáo dục 20% ngân sách. Đặc biệt nhờ chính sách xã hội hoá mà từ năm 1998 đến 2007, đầu tư của Nhà nước cho giáo dục tăng gấp 6 lần (từ 11.754 tỉ đồng lên 67.000 tỉ đồng), chưa kể tiền vay của nước ngoài cho giáo dục là 1,1 tỉ USD và việc huy động các nguồn lực và các lực lượng trong xã hội tham gia vào công tác xã hội hóa giáo dục là rất đáng kể¹⁴. Chính vì vậy, đánh giá việc thực hiện và những kết quả đạt được trong hoạt động xã hội hoá ở các ngành này qua 6 năm (1998-2004), vào cuối năm 2005, Bộ Tài chính cho rằng: nguồn lực xã hội bước đầu được huy động, phát huy được tiềm năng từ phía người dân cho phát triển các lĩnh vực này. Tuy vậy, các quy định cụ thể hóa cũng cần được hoàn thiện để đảm bảo tính lâu dài của chính sách. Và, với nhận định đó, Bộ Tài chính đề nghị mở rộng lĩnh vực xã hội hoá như: khoa học công nghệ; môi trường (vệ sinh môi trường, cấp, thoát nước...); sự nghiệp xã hội (chăm sóc người già cô đơn, người tàn tật, chăm sóc trẻ em, cơ sở cai nghiện)¹⁵.

Song, thật trớ trêu, cũng chính trong các lĩnh vực này, mặt trái của vấn đề xã hội hoá lại bộc lộ rõ nét nhất, đang gây ra nhiều bức xúc nhất, đang được tranh luận và quan tâm nhiều nhất. Một nhà khoa học tâm huyết, GS. Bùi Trọng Liễu đã nhận xét: "Tôi ngạc nhiên khi thấy xuất hiện cụm từ “xã hội hóa” ở Việt Nam ta – có lẽ là xuất hiện từ khoảng mười năm nay, và càng ngày

¹² Nt.

¹³ Xem: Nt.

¹⁴ GS. Hoàng Tuy - *Xã hội hóa không phải là đẩy gánh nặng cho dân* - Người lao động Thành phố Hồ Chí Minh.

22-10-2009. Theo VietNamNet, 22-10-2009

¹⁵ *Xã hội hoá – đang bị lạm dụng?* Theo VietNamNet, 24-7-2007

càng bị sử dụng một cách thân nhiên theo nghĩa ngược lại – theo nghĩa đẩy gánh nặng tài chính lên vai người công dân, và trao cho tư nhân đảm nhiệm một số lĩnh vực thuộc bản phận Nhà nước phải quản lý, đặc biệt là giáo dục đào tạo”¹⁶. Quả thật, “bởi cũng chính với danh nghĩa xã hội hóa thì chỗ này người ta tính chuyện cô phần hóa bệnh viện công có truyền thống từ bao đời, chỗ kia người ta thí điểm chuyển trường mẫu giáo “quốc doanh” sang trường “chất lượng cao”, “dân doanh”, “tư thực...”¹⁷. Liên quan đến vấn đề xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục, GS. Hoàng Tuy đã đặt câu hỏi “Phải chăng do Nhà nước không thể bao cấp hết cho giáo dục, nên phải đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục trong đó có việc tăng học phí? Ngay ở các nước giàu, phần đóng góp của dân cho giáo dục cũng chỉ quanh quẩn 20%, trong khi ở nước ta tỉ lệ ấy đã vượt 40%, thế vẫn chưa đủ sao? Có người còn cho rằng quan niệm giáo dục là hàng hóa đã chiếm ưu thế trên thế giới, ta không nên né tránh thị trường giáo dục, mà phải trả giáo dục về cho xã hội. Trong thực tiễn quản lý giáo dục điều đó thường dẫn đến giảm thiểu trách nhiệm của Nhà nước và trút hết gánh nặng tài chính về giáo dục cho dân”¹⁸. Phân tích việc thực hiện xã hội hoá y tế từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế năm 1986 đến nay, GS.TS. Đỗ Nguyên Phương và GS.TS. Phạm Huy Dũng đã rút ra một số nhận xét chung như sau: “Tuy Nhà nước đã có nhiều văn bản đề cập đến công tác xã hội hoá nói chung và xã hội hoá y tế nói riêng, song nhận thức về xã hội hoá y tế ở nhiều cấp, nhiều nơi, nhiều lúc còn khác nhau, thậm chí nhiều nơi đã hiểu sai, và do đó đã vận dụng sai với chủ trương của Đảng và Nhà nước, làm tăng thêm sự bất công bằng và hiệu quả trong tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân, đặc biệt là người nghèo... Nếu như việc huy động nguồn nhân lực đã tỏ ra khá hiệu quả, thì việc huy động nguồn tài chính trong xã hội hoá y tế lại tỏ ra lúng túng, đặc biệt trong việc quản lý nguồn tài chính”¹⁹.

Như vậy, qua việc điếm lại cách phân tích, nhìn nhận, đánh giá của một số nhà khoa học có uy tín, có quan tâm đến vấn đề này đã cho thấy, vấn đề xã hội hoá ở nước ta đang bị lạm dụng, đang có những biểu hiện đi không đúng hướng và có thể là đáng báo động vì khi nghiêm túc xem xét và nhìn nhận đánh giá thì điều đáng được lưu ý nhất chính là ở chỗ, mục đích và tính nghiêm trọng hơn của mặt trái xã hội hoá còn đưa lại hậu quả lớn hơn nhiều. “Vấn đề không phải chỉ là cái tên mà là cả một khối tài sản khổng lồ cũng sẽ được chuyên hóa và phương thức hoạt động cũng thay đổi. Từ sở hữu toàn dân, sở

¹⁶ Xã hội hoá – đang bị lạm dụng? Theo VietNamNet, 24-7-2007

¹⁷ Xã hội hoá – đang bị lạm dụng? Theo VietNamNet, 24-7-2007

¹⁸ Xã hội hoá – đang bị lạm dụng? Theo VietNamNet, 24-7-2007

¹⁹ Xem : GS.TS Đỗ Nguyên Phương, GSTS. Phạm Huy Dũng (chủ biên) (2004), *Xã hội hoá y tế ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 10-15

hữu xã hội sẽ được trao qua một hình thức sở hữu khác “đề” thực hiện vai trò xã hội hóa?”²⁰. Từ những nhận định này và từ tình hình thực tế đang diễn ra, có thể nói, quá trình xã hội hoá ở nước ta thời gian qua *đang chủ yếu diễn ra theo hướng tự phát*. Vấn đề đang đặt ra và phải thiết lập lại trong xã hội hoá lúc này là phải đưa xã hội hoá trở lại *con đường tự giác*, - một quá trình vốn tương thích và phù hợp với bản chất của chế độ ta, hơn nữa đó cũng là quan điểm chỉ đạo của Đảng, là chủ trương, chính sách của Nhà nước ta và cũng là hợp với nguyện vọng của nhân dân ta.

Để có thể xác lập vững chắc và đưa xã hội hoá đi đúng quỹ đạo theo *quá trình tự giác* đòi hỏi phải có một hệ thống các giải pháp đồng bộ, từ chủ trương, chính sách, điều kiện thực hiện đến quản lý và tổ chức triển khai. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin nêu một số suy nghĩ mang tính định hướng về giải pháp để góp phần tìm ra lời giải cho quá trình xã hội hoá ở nước ta *đạt được tính tự giác*.

Một là, điều có ý nghĩa tiên quyết và có ý nghĩa quyết định chính là phải chỉ ra, phải thấy được và phải trao lại vai trò *chủ thể - nhạc trưởng* cho một chủ thể xác định trong xã hội hoá. Như trên đã phân tích, trong quá trình thực hiện xã hội hoá, có rất nhiều chủ thể cùng tham gia hoạt động. Và để đảm bảo, để quyết định xu hướng tự giác trong đó thì phải có một *chủ thể chính* vừa có đủ sức; vừa có thể đề ra được chủ trương, chính sách, vừa định hướng, quản lý; vừa có đủ điều kiện, tiềm lực để thực hiện, vừa tổ chức triển khai hiện thực hoá. Ở đây, vai trò *chủ thể - nhạc trưởng* không phải ai khác hơn mà chính là Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Bởi lẽ “xã hội hóa giáo dục là gì? Nói một cách nôm na, đó cũng chỉ là một trong những phương cách để Nhà nước thực hiện nhiệm vụ hiến định là tạo điều kiện cho con em của mọi tầng lớp trong xã hội đều được đến trường và mọi cái gì cản trở nó đều không phải xã hội hóa giáo dục. Nói cách khác, xã hội hóa giáo dục (hay không xã hội hóa) dù kiểu nào đi chăng nữa đều phải nhằm đạt được những mục tiêu thiết yếu của giáo dục và Nhà nước, trong mọi trường hợp, luôn luôn phải chịu trách nhiệm chính, không thể chuyển giao trách nhiệm của mình cho ai khác. Càng không thể lợi dụng xã hội hóa để biến giáo dục, nhiệm vụ chính danh của Nhà nước, thành một ngành kinh doanh lấy lợi nhuận làm mục tiêu thay thế”²¹.

Hai là, phải mở rộng và phát triển phản biện xã hội.

Trong mô hình quản lý xã hội hiện đại, có hai yếu tố quan trọng luôn được đề cập tới. *Một*, Nhà nước là đơn vị cao nhất để giải quyết các mâu thuẫn, hoạt động theo luật pháp. *Hai*, dù dưới hình thức thể chế chính trị nào đi nữa, vai trò

²⁰ Xã hội hoá – đang bị lạm dụng? Theo VietNamNet, 24-7-2007

²¹ Nguyễn Văn Nam - Ý kiến về việc xã hội hóa giáo dục. Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Theo VietNamNet, 22-10-2009.

và tác động của người dân lên chính quyền cũng như các chính sách công là không được phép xâm phạm, như phung châm qua câu phát biểu nổi tiếng của Tổng thống Hoa kỳ Abraham Lincoln, xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân. Từ hai yếu tố trên, hình thành nhu cầu tất yếu: một chính quyền của dân, do dân và vì dân thì không thể không lắng nghe dân nói, dù người dân đó thuộc tầng lớp nào, thành phần nào. Ngoài những lối minh họa, tán dương, khen thưởng, còn cần có góc nhìn trực diện vào những mặt khác nhau của vấn đề, góc nhìn qua lăng kính phản biện xã hội²².

Về thực chất, phản biện xã hội không chỉ và không phải là hoạt động qua lại để thực hiện các hành vi thắc mắc - giải đáp, hỏi - trả lời giữa nhân dân, công chúng với cơ quan chức năng, cơ quan chuyên môn của Nhà nước. Chức năng chủ yếu, quan trọng và bao trùm nhất của phản biện xã hội là ở chỗ nó giúp chính quyền, Nhà nước hoàn thiện các chính sách. "... Hoạt động phản biện là sự thảo luận công khai của Nhà nước và xã hội dân sự, thúc đẩy khả năng thương lượng và tự điều chỉnh của các bên để tiến tới một xã hội tiến bộ, văn minh. Phản biện không chỉ là người dân thắc mắc, chính quyền giải thích, mà còn là người dân đóng góp ý kiến, chính quyền sửa đổi... Như vậy, phản biện xã hội sẽ làm tăng thêm tính dân chủ, đồng thuận hơn mà thôi, chứ không có gì làm khó dễ cả"²³. Với chức năng như vậy, phản biện xã hội có vai trò và hiệu quả rất lớn, có ý nghĩa xã hội không thể phủ nhận. Nhà báo lão thành Hữu Thọ cho rằng "phản biện có tinh thần xây dựng rất cao. Cho nên phản biện rất cần thiết để hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách, tránh các sai sót, sơ hở"²⁴. Từ đây, cho thấy một sự cần thiết tất yếu là phải mở rộng và phát triển phản biện xã hội để giúp Nhà nước và các cơ quan Nhà nước định ra và hoàn thiện các chủ trương, chính sách của mình, trong đó có chính sách xã hội hoá.

Ba là, phải hình thành được xã hội dân sự.

Trong xã hội hiện đại, các cá nhân trong xã hội phải đồng thời thực hiện nhiều mối quan hệ khác nhau, trong đó có các mối quan hệ cơ bản. Các cá nhân có các mối quan hệ đối với trật tự xã hội nhất định, có thực thi mối quan hệ giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo, có quan hệ với nhà nước và có các mối quan hệ pháp lý (bị ràng buộc bởi các quy định chung của xã hội, có quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ, được bảo vệ, nhưng cũng có thể bị loại bỏ) và từ đây hình thành nên xã hội chính trị. Các cá nhân còn có các mối quan hệ về lợi ích, thực hiện các quan hệ trao đổi và phân phối, các mối quan hệ về hưởng thụ và tiêu dùng, nói tóm lại là quan hệ thị trường và xuất phát từ đây hình thành nên các

²²Xem thêm: Nguyễn Chính Tâm - *Triển vọng của phát triển Việt Nam sẽ một phần tùy thuộc vào chỗ chúng ta nghiêm chỉnh phản biện và tự phản biện đến đâu...* Theo VietNamNet, 09-06-2007.

²³ *Phản biện xã hội, thắc mắc xã hội* – VietNamNet, 18-09-2009

²⁴ Hữu Thọ - *Phản biện để hoàn chỉnh tư duy* – VietNamNet, 24-08-2009

tổ chức kinh tế. Ngoài ra, cùng với đó, xuất phát từ thực tế đời sống xã hội và từ nhu cầu sống của mình, các cá nhân còn có các mối quan về hưởng thụ đời sống tinh thần, có mối quan hệ trong việc tiếp thu, giữ gìn, truyền trao và phát huy các hệ giá trị của quá khứ, từ đó làm phong phú thêm những giá trị mới của đời sống hiện tại, nghĩa là những giá trị văn hoá và từ đây hình thành nên đời sống văn hoá xã hội...Song, trên thực tế và do nhu cầu nội tại, các cá nhân lại có những mối quan tâm chung, - những mối quan tâm mà chưa được bao chứa và không nằm trong các mối quan hệ trên. *Đó là những mối quan tâm chung mang tính tự nguyện, phi lợi nhuận, không vụ lợi, nhằm thoả mãn một nhu cầu chung nào đó, một quyền lợi chung nào đó và để đảm bảo tính công bằng hơn, bình đẳng hơn giữa các cá nhân trong xã hội. Đây chính là xã hội dân sự.* Xã hội dân sự xuất hiện không phải ngẫu nhiên mà là xuất phát từ nhu cầu phát triển của *nhu cầu liên cá nhân* và của xã hội và do đó nó có vai trò và vị trí nhất định trong xã hội. Khi mở rộng tính chế định của pháp luật, - mà về thực chất chỉ là đòi hỏi và bắt buộc các cá nhân phải tuân theo, nghĩa là chủ yếu đề cao trách nhiệm và nghĩa vụ của các công dân, thì xã hội dân sự xuất hiện để thực thi việc bảo đảm quyền và lợi ích được hưởng, cũng như quyền được bảo vệ của công dân, nghĩa là ở đây xã hội dân sự đã làm cân bằng hơn giữa *nghĩa vụ và quyền lợi* của các cá nhân. Còn trong cơ chế thị trường, khi mà các mối quan hệ giữa các cá nhân xoay quanh lợi nhuận và cũng do đó tạo ra sự phân cực, phân hoá xã hội, sự bất bình đẳng về thu nhập và hưởng thụ vật chất, thì xã hội dân sự được xem như một trong những giải pháp góp phần *san đi, làm giảm đi và điều hòa* khoảng cách về kinh tế giữa các cá nhân. Và đặc biệt, khi thực thi chức năng và nhiệm vụ của mình, ở nhiều lĩnh vực, nhiều phạm vi, nhiều địa bàn xã hội mà Nhà nước chưa thể và không thể với tới được thì lúc đó xã hội dân sự xuất hiện và ở đây xã hội dân sự như là sự bổ trợ, sự bù đắp vào sự khiếm khuyết của Nhà nước và là sự nối dài cánh tay của Nhà nước. “Nó giữ vai trò là “đôi quyền của quyền lực Nhà nước”, mà về thực chất, là tạo điều kiện để người dân thực sự tham gia vào việc hoạch định, thực hiện và giám sát các chủ trương và chính sách của Nhà nước, thực hiện trách nhiệm phản biện xã hội đối Nhà nước, kể cả phẩm chất và hành vi của viên chức Nhà nước”²⁵. Rõ ràng với những vai trò và nhiệm vụ như vậy, xã hội dân sự là một phương tiện và biện pháp tốt để hỗ trợ và giúp Nhà nước mở rộng thực thi xã hội hoá một cách đúng hướng và đúng đắn.

Bốn là, xây dựng hành lang pháp lý cho xã hội hoá.

Một sự thật hiển nhiên là, muốn định hướng và quản lý được quá trình xã hội hoá, Nhà nước phải xây dựng được hành lang pháp lý làm cơ sở và phương

²⁵ Trương Lai - *Xã hội dân sự và mấy vấn đề của các Tổ chức xã hội*, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 4 (41)/2007. Theo VietNamNet 12-12-2008.

tiện để điều hành. Hành lang pháp lý ở đây chính là phải hoàn thiện các quy định về mô hình, quy chế hoạt động của các đơn vị *ngoài công lập* theo hướng: quy định rõ trách nhiệm, mục tiêu hoạt động, nội dung, chất lượng dịch vụ, sản phẩm, chế độ sở hữu và cơ chế hoạt động; Quy định chế độ tài chính và trách nhiệm thực hiện chính sách và nghĩa vụ xã hội của các tổ chức hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận và áp dụng cơ chế doanh nghiệp đối với các cơ sở hoạt động theo cơ chế lợi nhuận, cũng như chuyển cơ chế hoạt động của các cơ sở công lập sang cơ chế cung ứng dịch vụ; Xây dựng cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực xã hội hoá, nghiên cứu xây dựng và từng bước thực hiện chính sách đấu thầu cung cấp dịch vụ do Nhà nước đặt hàng, có chính sách ưu đãi đối với các cơ sở ngoài công lập, đặc biệt là với các cơ sở hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận, có chính sách huy động vốn, tín dụng và chính sách đất đai đúng nhằm điều chỉnh quy hoạch đất đai dành quỹ đất ưu tiên cho xã hội hoá; Có chính sách nhân lực để thực hiện chính sách bình đẳng giữa khu vực công lập và ngoài công lập; Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước để quản lý thống nhất đối với các cơ sở công lập và ngoài công lập, hoàn thiện việc phân cấp quản lý, tăng quyền chủ động và trách nhiệm cho các cấp: một mặt, trao cho cơ sở đầy đủ quyền tự chủ và trách nhiệm; mặt khác, bảo đảm quyền sở hữu và vai trò của đại diện chủ sở hữu trong các cơ sở công lập và ngoài công lập; Quy định chế độ và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát công việc quản lý của các cấp và việc triển khai thực hiện trong xã hội hoá²⁶.

Năm là, nghiên cứu lý luận, nâng cao nhận thức về xã hội hoá.

Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, làm rõ các vấn đề về sở hữu, về tính chất hoạt động lợi nhuận và hoạt động phi lợi nhuận, về trách nhiệm xã hội của các tổ chức, về hình thức xã hội hoá trong lĩnh vực y tế để từ đó tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách. Từ đó đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về xã hội hoá để các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, các đơn vị công lập, ngoài công lập và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá trong các lĩnh vực xã hội.

²⁶ Xem: GS.TS Đỗ Nguyên Phương, GSTS. Phạm Huy Dũng (chủ biên) (2004) - *Xã hội hoá y tế ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 15-20